

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

*“V/v tranh chấp ly hôn; nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Minh Chánh;

Bà Lương Thảo Vy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Bảo Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị Bích H, sinh năm 1990, (xin vắng mặt).

Trú tại: Tổ F, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1990, (vắng mặt).

Trú tại: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lại Thị Bích H trình bày:

- Bà và ông T chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, không hợp nhau, ông T không lo làm ăn lo cho gia đình, mà chỉ lo rượu chè, cờ bạc, không quan tâm vợ con, đã ly thân hơn 04 tháng. Vợ chồng không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông T.

- Con chung: Bà H và ông T chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/03/2013; Bùi Ngọc Bảo T1, sinh ngày 09/9/2017, hiện 02 con chung đang ở với bà H, ly hôn bà H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà H và ông T chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/03/2013; Bùi Ngọc Bảo T1, sinh ngày 09/9/2017 đang ở với bà H, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu N và cháu T1 do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, bà H có yêu cầu nuôi cháu N và cháu T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N, T1 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con

chung, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên đề nghị không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Văn T thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Bà H khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, không hợp nhau, ông T không lo làm ăn lo cho gia đình, mà chỉ lo rượu chè, cờ bạc, không quan tâm vợ con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống không còn hạnh phúc đã ly thân hơn 04 tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã hoà giải cho ông bà đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông T chung sống có 02 con chung tên Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/03/2013; Bùi Ngọc Bảo T1, sinh ngày 09/9/2017 đang ở với bà H, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu N và cháu T1 do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, bà H có yêu cầu nuôi cháu N, T1, 02 cháu cũng có nguyện vọng

được ở với bà H nên Hội đồng xét xử giao cháu N, T1 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Bích H.

- Về hôn nhân: Bà Lại Thị Bích H được ly hôn với ông Bùi Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 02/03/2013; Bùi Ngọc Bảo T1, sinh ngày 09/9/2017 cho bà Lại Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí: Bà Lại Thị Bích H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009401 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**